Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội:
Nghiên cứu Giáo dục
Website: https://js.vnu.edu.vn/ER

Khảo sát xu hướng nghiên cứu về giáo dục Việt Nam ở Nhật Bản từ năm 2000 đến nay (năm 2017)

Đào Thu Vân*

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 136 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 27 tháng 9 năm 20187
Chỉnh sửa ngày 26 tháng 02 năm 2018; Chấp nhận đăng ngày 13 tháng 3 năm 2018

Tóm tắt: Trong thế kỉ XX, giáo dục Việt Nam nói riêng và những vấn đề văn hóa, kinh tế, chính trị, xã hội của Việt Nam đã trở thành đối tượng nghiên cứu của nhiều học giả Nhật Bản. Đến những thập niên đầu của thế kỉ XXI, giáo dục Việt Nam tiếp tục nhận được nhiều sự quan tâm của các nhà nghiên cứu Nhật Bản. Những nghiên cứu đó không chỉ đơn thuần tìm hiểu về hệ thống giáo dục quốc dân nói chung mà còn nghiên cứu những vấn đề giáo dục trong từng cấp học, những chính sách, thông tư, luật giáo dục,… được dịch ra tiếng Nhật. Để khảo sát nội dung này, chúng tôi đã sử dụng 2 nguồn thông tin: trang web http://ci.nii.ac.jp/ (trang web tra cứu các bài báo, sách xuất bản tại Nhật) và mục lục thống kê trong Tạp chí Shigaku Zasshi các số 2, 6, 10 xuất bản từ năm 2000 đến nay (2017)
Từ đó chúng tôi thống kê, lập mục lục các bài báo, sách đã nghiên cứu, xuất bản về giáo dục Việt Nam tại Nhật Bản. Chúng tôi tiến hành phân tích những thành quả nghiên cứu của các học giả Nhật Bản về giáo dục Việt Nam từ năm 2000 đến nay (năm 2017). Điều này góp phần giúp chúng ta có cái nhìn toàn diện, rộng mở hơn về giáo dục của nước nhà trong giai đoạn toàn cầu hóa, hiện đại hóa. Bài nghiên cứu sẽ bao gồm hai phần chính
1. Khảo sát các hướng nghiên cứu về giáo dục Việt Nam từ năm 2000 đến nay (năm 2017)
2. Đánh giá giá trị của các nghiên cứu đó và giải pháp đặt ra cho giáo dục Việt Nam trong thời kì hiện nay.

Từ khóa: Giáo dục Việt Nam; tài liệu tại Nhật Bản; giai đoạn 2000 - 2017.

1. Khảo sát các hướng nghiên cứu về giáo dục Việt Nam tại Nhật Bản từ năm 2000 đến nay (năm 2017)

1.1. Giai đoạn từ những năm 40 của thế kỉ XX đến trước năm 2000

Những nghiên cứu về giáo dục Việt Nam đã có từ khá sớm ở Nhật, khoảng những năm 40 của thế kỉ XX. Một số công trình tiêu biểu được công bố trong thời kì này như "Nền giáo dục Đông Dương thời thuộc Pháp"[1] (Bản Điều tra về chế độ giáo dục, chương 11 của Phòng Điều

* ĐT.: 84-989791182.
Email: thuvan2611@gmail.com
https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4103

[1]文部省教育調査部「フランス領印度支那に於ける教育」『教育制度の調査』.
（第11輯）1940、175−206頁,

tra giáo dục năm 1940, trang 175 - 206); hay bài viết của Funakoshi Yasuhisa "Nền giáo dục thực dân ở bán đảo Đông Dương" đăng trong cuốn *Giáo dục thuộc địa và nền văn hóa phương Nam*[2]... Theo tác giả Furusawa Tsuneo hầu hết những công trình nghiên cứu ở giai đoạn trước năm 1945 đều "chịu ảnh hưởng khá nặng nề của chủ nghĩa bành trướng quân phiệt Nhật (hệ tư tưởng Đại Đông Á)"[3]. Các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào chính sách giáo dục chi phối thuộc địa và sử dụng các tư liệu tiếng Pháp là chính.

Bước sang giai đoạn sau từ năm 1945 đến trước năm 2000, đồng thời với những nghiên cứu chung về Việt Nam như chiến tranh Việt Nam, chính trị, văn hóa xã hội Việt Nam từ khi có chính sách Đổi mới ... thì giáo dục của Việt Nam cũng được quan tâm dưới các góc độ khác nhau như: bài viết về "Giáo dục của Việt Nam" của tác giả Toishi Taiishi(戸石泰一)[4]; hoặc tìm hiểu các vấn đề khái quát chung của giáo dục Việt Nam của Furukawa Gen trong cuốn *Dân tộc, Văn hóa, Giáo dục Việt Nam* xuất bản năm 1969[5], hoặc một số bài nghiên cứu nhỏ lẻ về các chủ đề như "Đại học Việt Nam thời kì cải cách"[6] của Otsuka Yutaka; bài viết về "Nam Dương học viện- trường học ngoại quốc tại Việt Nam được thành lập trong thời kì chiến tranh"[7] của tác giả Tokuda Katsunori, hay Iwatsuki Junichi với các bài nghiên cứu về giáo dục ngôn ngữ như "Hình thành ý thức ngôn ngữ Tiếng Việt và Hán Tự/ Hán Văn - nhìn từ Nam Phong tạp chí", "Vị trí tiếng Việt trong văn hóa chữ Hán" (bài viết đề cập đến nền giáo dục Hán Văn trong lịch sử giáo dục của Việt Nam)[8]. Như vậy, chúng ta có thể thấy những nghiên cứu về giáo dục Việt Nam trước năm 2000 vẫn còn mang tính đơn lẻ và chưa có nhiều chuyên đề đi sâu phân tích về giáo dục Việt Nam. Một đặc trưng nữa theo tác giả Furusawa Tsuneo là hầu như các nhà nghiên cứu tại Nhật khi tìm hiểu giáo dục Việt Nam vẫn sử dụng tài liệu tiếng Anh, tiếng Pháp là chủ yếu, số lượng các tác giả sử dụng tư liệu tiếng Việt còn ít ỏi[9]. Vậy những đặc điểm trên có được khắc phục ở giai đoạn sau hay không, chúng tôi đã tiến hành thống kê được số lượng bao gồm 79 bài báo, 21 đầu sách đề cập tới giáo dục Việt Nam trên mục lục Tạp chí Shigaku Zasshi các số 2, 6, 10 xuất bản từ năm 2000 đến nay (2017) và qua website http://ci.nii.ac.jp/ (trang tra cứu các bài báo, sách xuất bản tại Nhật).

[2]舟越康寿,「仏領印度支那に於ける民族教育」『南方文化圏と植民教育』、第一出版協会、1943、pp. 85 - 181

[3]古沢常雄、「日本におけるベトナム教育史研究の状況―フランス植民地教育史研究の視点から―」Link tham khảo ngày 20/09/ 2016 http://repo.lib.hosei.ac.jp/handle/10114/6547

[4]戸石泰一 ,「ベトナムの教育」(Giáo dục của Việt Nam)、文化評論（110）(Tạp chí Bình luận Văn hóa)、1970、pp. 112 – 123. Trong bài viết này tác giả Toishi đã trình bày về công cuộc xóa mù chữ ở Việt Nam sau CMT8/ 1945, công cuộc diệt giặc dốt được tiến hành với những thành tựu cụ thể. Ở trang 115, tác giả đã bước đầu giới thiệu hiện trạng giáo dục phổ thông của Việt Nam theo chế độ có lớp vỡ lòng (dành cho trẻ 6,7 tuổi) và chế độ giáo dục 4,3,3. Cấp tiểu học học 4 năm (7 -11 tuổi), cấp 2 (12 đến 14 tuổi) và cấp 3 (15 – 17 tuổi)…Có thể nói đây là 1 bài viết khá chi tiết về giáo dục miền Bắc Việt Nam giai đoạn 50 -60 của thế kỉ XX. Bài viết có độ chân thực cao vì tác giả có đi thực tế một số trường học ở Hà Nội, Nghê An…

[5]古川 原 (Furukawa Gen), 『ヴィエトナム民族・文化・教育 (*Dân tộc, Văn hóa, Giáo dục Việt Nam*)』, 明治図書出版, 1969

[6]***大塚豊, Otsuka Yutaka; 『変革期ベトナムの大学』, 東信堂, 1998***

[7]徳田 勝紀, Tokuda Katsunori; サイゴンの南洋学院に学んで (インドシナ戦争史研究), 東アジア近代史 , 11, pp 138-153, 2008

[8]岩月 純 一, Iwatsuki Junichi; 「ベトナム語意識」の形成と「漢字/漢文」- 『南風雑誌』に見る, 東南アジア 歴史と文化 , 24, pp 3-24, 1995

岩月純一、Iwatsuki Junichi; 「ベトナム語意識」における「漢字/漢文」の位置について (<多言語社会研究会>報告), ことばと社会, 1, pp 154-165, 1999

[9]古沢常雄、「日本におけるベトナム教育史研究の状況―フランス植民地教育史研究の視点から―」Link tham khảo ngày 20/09/ 2016 http://repo.lib.hosei.ac.jp/handle/10114/6547

1.2. Từ năm 2000 đến nay (2017)

Thông qua hai nguồn khảo sát trên, chúng tôi đã thu được kết quả cụ thể qua từng giai đoạn như sau:

Năm	2000 – 2005	2006 - 2011	2012 – 2017
Số lượng bài báo công bố	24	31	24
Số lượng sách xuất bản	8	8	5

Trên cơ sở danh mục các bài báo, đầu sách viết về giáo dục Việt Nam tại Nhật được thống kê chúng tôi tiến hành khảo sát nội dung nghiên cứu.và nhận thấy có một số chủ điểm được quan tâm

1.2.1. Các nghiên cứu về giai đoạn phát triển giáo dục ở Việt Nam

Trong 15 năm đầu của thế kỉ XXI, tại Nhật Bản nhiều nhà nghiên cứu đã có các công trình khái quát chung về lịch sử giáo dục Việt Nam hoặc trong một số giai đoạn như: giáo dục Việt Nam thời thuộc Pháp, giáo dục Việt Nam trong thời kì Đổi mới. Tiêu biểu như tác giả Mukai Keiji (向井 啓二) trong bài "Nghiên cứu khái quát về lịch sử giáo dục Việt Nam"[10] đã phân chia các giai đoạn trong lịch sử giáo dục Việt Nam gồm: Giáo dục Việt Nam dưới thời kì Bắc thuộc, Giáo dục Việt Nam trong thời kì phong kiến độc lập (từ thế kỉ X đến giữa thế kỉ XIX), Giáo dục Việt Nam dưới thời thuộc Pháp, Giáo dục Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống Pháp, Giáo dục ở Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống Mỹ. Trên cơ sở nghiên cứu lịch sử giáo dục của Việt Nam, tác giả đã đồng tình quan điểm với một số nhà nghiên cứu khác như Chikada Masahiro[11] khi đưa ra nhận định rằng: Giáo dục Việt Nam trong mỗi giai đoạn cụ thể có ảnh hưởng của mô hình giáo dục Trung Hoa, Pháp, Liên Xô và Mỹ (trong đó mô hình Trung Hoa và Pháp khá rõ nét). Ngoài ra, một số tác giả đã nghiên cứu giáo dục Việt Nam theo từng giai đoạn trong đó thời kì Pháp thuộc và thời kì Đổi mới được nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau. Nếu nhà nghiên cứu Furusawa Tsuneo [12]chủ yếu làm rõ những chính sách giáo dục của thực dân Pháp được áp dụng đối với xứ thuộc Pháp thì tác giả Kurozawa Kazuhiro[13] lại phân tích sâu sắc nội dung, tính chất của bản *Học chính Tổng quy* hay *Hội đồng giáo dục hoàn thiện bản xứ*...Những bài nghiên cứu trên góp phần tạo dựng làm rõ nét hơn những nhận thức về nền giáo dục Pháp - Việt, những ảnh hưởng của mô hình giáo dục Pháp đến giáo dục Việt Nam.

Về giáo dục Việt Nam trong thời kì Đổi mới, nhiều nhà nghiên cứu đã phân tích các điều kiện hoàn cảnh thuận lợi, khó khăn của

[10]Mukai Keiji, ベトナム教育史素描(I) 種智院大学研究紀要 7 (Kỷ yếu số 7 của Đại học Shuchiin, tháng 3 năm 2006 , pp .38-55.
Link tham khảo bài nghiên cứu http://ci.nii.ac.jp/naid/110007138589
Mukai Keiji, ベトナム教育史素描(II) 種智院大学研究紀要 8 (Kỉ yếu nghiên cứu số 8 của Đại học Shuchiin, số tháng 3 năm 2007, pp. 40-59.
Link tham khảo bài nghiên cứu http://ci.nii.ac.jp/naid/110007138579

[11] Tác giả Chikada Masahiro近田政博 với bài viết về giáo dục Nho giáo hay sự thu nhận mô hình giáo dục Trung Hoa và biến đổi「阮朝期ベトナムにおける儒教教育-中華教育モデルの受容と変容」, 大学史研究 Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử Đại học số 17 tháng 11 năm 2001, pp 37-52.

[12]Furusawa Tsuneo古沢常雄「ベトナムにおけるフランスの植民地教育政策―『文明化使命』をめぐって」(Chính sách giáo dục thời kì thuộc Pháp ở Việt Nam với sứ mệnh Văn minh hóa) đăng trên Báo cáo Nghiên cứu về lịch sử giáo dục thời kì thực dân địa số 5『植民地教育史研究年報５』皓星社 năm 2003, pp 11 - 26

[13]Kurosawa Kazuhiro黒澤和裕「ベトナムにおけるフランスの植民地教育--現地人教育改良評議会を中心に」(Giáo dục thời kì thực dân địa của Pháp ở Việt Nam – Trọng tâm về Hội đồng hoàn thiện giáo dục bản xứ, 『二十世紀研究』(Tạp chí Nghiên cứu thế kỉ XX) số 3 năm 2002, pp.75－98 Kurosawa Kazuhiro, ベトナムにおける植民地教育(1890-1917) : 学政総規の成立まで. Giáo dục thời thuộc Pháp ở Việt Nam (1890 – 1917) đến khi Học chính tổng quy ra đời. Đây là Luận án Tiến sĩ của tác giả Kurosawa Kazuhiro bảo vệ tại Đại học Kyoto năm 2011. Link tham khảo luận án tại đây http://repository.kulib.kyoto-u.ac.jp/dspace/handle/2433/142007

Việt Nam sau năm 1986 đã tác động đến giáo dục ra sao? Hoặc những chính sách về giáo dục trong thời kì đổi mới. Tác giả 石村雅雄 Ishimura Masao[14] với bài viết về giáo dục dân tộc trong chính sách đổi mới ở Việt Nam đã đề cập đến những vấn đề như: *Hoàn cảnh của giáo dục và sự đa dạng về văn hóa ở Việt Nam* bao gồm dân tộc, tôn giáo, văn hóa truyền thống và tính truyền thống của giáo dục, giáo dục thời kì thực dân địa, Độc lập và chế độ giáo dục quốc dân. Một mặt khác, tác giả phân tích sự xung đột trong giáo dục quốc dân và đa dạng văn hóa bao gồm: chính sách giáo dục quốc dân, sự phát triển của quốc gia, địa phương và mối quan hệ với chính sách giáo dục, chương trình giáo dục tại trường học và một số vấn đề thực tiễn, giáo dục của đồng bào dân tộc thiểu số. Trong bài viết của mình Ishimura Masao đã nhìn thấy những tồn tại, bất cập của giáo dục Việt Nam sau năm 1986 như: tại vùng sâu vùng xa của Việt Nam giáo dục cấp tiểu học, trung học cơ sở còn chưa được phổ cập, cần có chính sách thỏa đáng cho giáo viên giảng dạy tại những khu vực đó. Ngoài ra, dưới thể chế tự do cạnh tranh sau khi tiến hành công cuộc Đổi mới thì giáo dục cũng không phải là ngoại lệ khi có sự chênh lệch giữa các đô thị với vùng nông thôn, miền núi; vấn đề giáo dục người Hoa ở Nam Bộ...Trong khi đó, tác giả Ito Miho[15] có những nghiên cứu về vai trò của trường dân tộc nội trú, những chính sách nhằm hỗ trợ việc học lên bậc cao hơn dành cho đối tượng học sinh là con em dân tộc thiểu số trong thời kì Đổi mới.

1.2.2. Nghiên cứu về hệ thống giáo dục Việt Nam

Ngoài những nghiên cứu về giáo dục Việt Nam mang tính khái quát, nhiều học giả Nhật Bản đã phân tích hệ thống giáo dục Việt Nam theo từng cấp học cụ thể từ bậc mầm non, tiểu học đến bậc đại học (giáo dục bậc cao).

Đối với bậc học mầm non, nhóm tác giả箕浦康子 Minoura Yasuko, 矢田 美樹子 Yano Mikiko[16] thuộc trường Đại học Ochanomizu đã có những nghiên cứu sâu sắc về vấn đề giáo dục và chăm sóc trẻ ở độ tuổi mầm non (trước khi vào cấp 1). Nhóm tác giả đã tiến hành khảo sát trên một diện rộng ở các tỉnh thành phố như Bắc Giang, Yên Bái, Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh. Bài viết bao gồm những nội dung chính như :*Cơ cấu giáo dục Việt Nam và vị trí của giáo dục mầm non; Phương pháp và nội dung giáo dục tại các trường mầm non*. Nhóm tác giả đã có ghi chép cụ thể về hoạt động tại trường mầm non thuộc xã Âu Lâu, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái với từng độ tuổi khác nhau, lớp 3 tuổi (55 cháu), lớp 4 tuổi (57 cháu), lớp 5 tuổi (54 cháu). Nhóm tác giả có bảng biểu cụ thể hóa những hoạt động trong tám giờ tại trường mầm non: Đến trường, tổ chức giờ học từ 75 - 90 phút (chương trình chung, dạy theo nhóm), hoạt động ngoài trời (45-60 phút), ăn trưa (60 phút), ngủ trưa (120 - 180 phút), ăn nhẹ vào giữa buổi chiều, chơi tự do và chuẩn bị về. Đặc biệt tại Việt Nam đã xuất hiện một thực tế trong việc chăm sóc trẻ thuộc độ tuổi nhà trẻ, mầm non của Việt Nam là mô hình Family Group (từ dùng của nhóm tác giả). Đó là những nhà trẻ tư nhân dành cho các bé đang độ tuổi ăn cháo (từ 18 -24 tháng) hoặc ăn cơm (từ 24 đến 36

[14]石村雅雄 Ishimura Masao「ベトナム―ドイモイ政策による民族教育」村田翼夫編著『東南アジア諸国の国民統合と教育―他民族社会における葛藤』東信堂 năm 2001, pp. 117 – 130.

[15]伊藤未帆, Ito Miho ドイモイ期ベトナムにおける.民族寄宿学校の役割と「第 7 プログラムアジア研究」số 53-1 năm 2007, pp 20-36.
伊藤未帆, Ito Miho, ドイモイ期ベトナムにおける少数民族優遇政策と高等教育進学―少数民族大学生の属性分析を通じて, 東南アジア (Đông Nam Á) số 49-2 năm 2011, pp 300 – 327. Link tham khảo bài viết tại http://ci.nii.ac.jp/naid/11000866866

[16]箕浦康子 Minoura Yasuko, 矢田 美樹子 Yano Mikikoベトナムにおける就学前幼児のケアと教育 ―ネットワーク形成のための基礎資料―,Ochanomizu University studies in arts and culture 3, năm 2007, pp. 189-202, http://www.ocha.ac.jp/intl/cwed_old/eccd/site1_p3_vietnam.pdf

tháng), trung bình mỗi tháng chi phí cho các bé tầm 1 triệu đồng tiền Việt Nam. Giáo viên tham gia tại hệ thống các trường thuộc bậc mầm non ở Việt Nam có thể trải qua quá trình đào tạo hệ 2 năm, 3 năm hoặc 4 năm thông qua hệ thống Trường Cao đẳng Mẫu giáo Trung ương, Cao đẳng tại các tỉnh thành hoặc khoa Giáo dục Mầm non tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội...Đặc biệt bậc giáo dục mầm non tại Việt Nam đã nhận được sự hỗ trợ của nhiều tổ chức quốc tế như: Unicef (Quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc), chương trình Save the Children Japan (viết tắt là SCJ)... Sau 4 năm khảo sát, nghiên cứu về cơ cấu giáo dục, chăm sóc trẻ em ở bậc mầm non của Việt Nam đã rút ra một số đặc trưng cơ bản: từ sau năm 1987 với sự nhất thể hóa hai hệ thống nhà trẻ và mầm non đã tạo thuận lợi hơn cho công tác quản lí, dưới sự chỉ đạo chung của Bộ GD- ĐT mỗi tỉnh thành trong cả nước xây dựng chương trình mới phù hợp, mô hình nhà trẻ tư nhân, nhà trẻ gia đình, mẫu giáo tư thục thể hiện nhu cầu thực tế của xã hội...

Đối với bậc tiểu học, trung học cơ sở, một số nhà nghiên cứu Nhật Bản tiến hành đánh giá sự chênh lệch về học lực của học sinh ở những khu vực, tộc người khác nhau. Ví dụ theo tác giả Sakigawa Masashi[17], năm 1998 số lượng học sinh tiểu học người dân tộc có tỉ lệ khác nhau: *dân tộc Mông 42%, dân tộc Mường 94%, dân tộc Thái 89% tỉ lệ trẻ em đi học tiểu học*. Từ tỉ lệ trên tác giả muốn tìm hiểu, đánh giá mức độ học lực của từng nhóm học sinh dân tộc. Phương pháp khảo sát: chia làm 4 nhóm (tổng số 502 người) thuộc những đối tượng sau: dân tộc sống chủ yếu ở vùng đồng bằng (231), dân tộc thiểu số sống ở vùng đồng bằng (45), dân tộc sống chủ yếu ở vùng núi (69), dân tộc thiểu số ở vùng núi (157). Địa bàn khảo sát là thị xã Hòa Bình và huyện Mai Châu thuộc tỉnh Hòa Bình. Kết quả của bài kiểm tra Toán với lần lượt bốn nhóm học sinh trên là: 16.17; 11. 89; 10.13; 7.87. Điểm bình quân cho 4 nhóm là 12.26. Để lí giải cho nguyên nhân có sự chênh lệch về kết quả học tập trên, tác giả Sakigawa đã đưa ra các tiêu chí để bình giá: *điều kiện kinh tế gia đình, học vấn của Bố, học vấn của Mẹ, thái độ của Bố mẹ, tham gia trường học, chế độ sở tại, cảm tính tự tôn*...sẽ ít nhiều chi phối kết quả trên. Một tác giả khác là Saito Wakana(齊藤 若菜) với nghiên cứu "Tiểu học Việt Nam dưới thời Pháp thuộc: Trọng tâm là hoạt động của giáo viên bản xứ"[18]. Hoặc có nhóm tác giả quan tâm nghiên cứu chất lượng bữa ăn của học sinh tiểu học[19]. Đặc biệt tác giả 潮木 守一Ushiogi Morikazu[20] đã nghiên cứu sâu về chính sách phổ cập hóa giáo dục của cấp tiểu học.

Đối với giáo dục bậc cao (bao gồm trường cấp 3, trường nghề, trường đại học, cao đẳng) có nhiều công trình nghiên cứu giá trị của các tác giả như Chikada Masahiro, Tsutsui Yukino[21] với nghiên cứu về cải cách đại học ở Việt Nam; Ito Miho[22] với thị trường lao động và mối quan hệ đến giáo dục bậc cao.

---

[17]崎川
勝志ベトナムの初等教育における民族間の学力格差が生じる原因に関する研究(IV-9部会学力(2),研究発表IV,日本教育社会学会第58回大会)日本教育社会学会大会発表要旨集録 (58), 357-358, 9/2006 http://ci.nii.ac.jp/naid/110006173817

[18]Saito Wakana「フランス植民地下ベトナムにおける初等教育：仏越学校現地人教員の活動を中心に」待兼山叢 (47) năm 2013, pp.1-20. Link tham khảo http://ir.library.osaka-u.ac.jp/dspace/handle/11094/54419

[19] YANO Izumi，TAKANASHI Fumie，OKAZAKI Mai ベトナム初等教育課程における給食導入の課題：北部ベトナムを事例に,Agricultural marketing journal of Japan 23(1), tháng 6 năm 2014, pp. 59-66 http://ci.nii.ac.jp/naid/110009866296

[20]潮木守一編著『ベトナムにおける初等教育の普遍化政策』明石書店, 2008, 217 trang

[21]筒井 由起乃Tsutsui Yukinoベトナムにおける大学の改革：ハノイ理科大学地理学部を事例として, アジア観光学年報 7, 115-123, 2006-04追手門学院大学http://ci.nii.ac.jp/naid/110008692442

[22] Ito Miho「ベトナムにおける高等教育の発展プロセスと労働市場の変容」（『ベトナムにおける工学系学生の移行と産学連携に関する調査研究』独立行政法人労働政策研究・研修機構，2013年）

Nhà nghiên cứu Chikada Masahiro[23] với công trình đồ sộ về "Quá trình hình thành giáo dục bậc cao ở Việt Nam: Phân tích tính giáo dục học của các mô hình du nhập từ bên ngoài". Trong luận án, tác giả đã phân tích sự du nhập của các mô hình giáo dục Pháp, Liên Xô và Mĩ ở những thời kì khác nhau.

1.2.3. Nghiên cứu về triết lí giáo dục và cơ cấu chương trình đào tạo

Cơ cấu chương trình ở các cấp học trong nền giáo dục Việt Nam và "triết lí giáo dục lấy học sinh làm trung tâm" trong giảng dạy đã được một số nhà nghiên cứu phân tích. Tiêu biểu phải kể đến tác giả Tanaka Yoshitaka với công trình nghiên cứu "Cải cách giáo dục Việt Nam – Thực tiễn giáo dục theo định hướng lấy học sinh làm trung tâm"[24] do nhà xuất bản Akashi phát hành năm 2008. Công trình khảo cứu trên được Tanaka tiến hành từ năm 2004 đến 2007 với những quan sát, phân tích giờ học cụ thể tại nhiều trường học. Cuốn sách có 5 chương, phụ lục. Những vấn đề mà Tanaka đề cập đến bao gồm: *Giờ học ở Việt Nam được tiến hành như thế nào?; Những vấn đề đặt ra cho giáo dục Việt Nam; Cải cách giáo dục Việt Nam những điều không nhìn thấy; Đề án cải thiện giáo dục; Những thay đổi trong giáo dục và trường học Việt Nam*. Ngoài công trình nghiên cứu chuyên sâu trên, tác giả Tanaka còn có bài viết đề cập đến vấn đề xây dựng kĩ năng cần thiết cho học sinh trong thế kỉ XXI[25].

Bên cạnh đó, về chương trình đào tạo của Việt Nam cũng được một số tác giả quan tâm nghiên cứu: Chikada Masahiro đã có bài viết "Du nhập chương trình giáo dục mới nhằm đáp ứng quy chuẩn quốc tế" đăng trong cuốn *Cải cách giáo dục trung học ở châu Á trong xu thế toàn cầu hóa*[26]; tác giả Deguchi[27] với bài viết phân tích về chương trình giáo dục đạo đức tại Việt Nam...

1.2.4. Những vấn đề khác

Giáo dục Việt Nam không chỉ được nghiên cứu dưới góc độ hệ thống bậc học, cơ cấu chương trình mà còn trong những lĩnh vực cụ thể như: *giáo dục ngôn ngữ (ngôn ngữ mẹ đẻ - tiếng Việt và ngoại ngữ), giáo dục ý thức bảo vệ môi trường, giáo dục thể chất...*

Đối với giáo dục ngôn ngữ, các nhà nghiên cứu tập trung vào một số đề tài như mối quan hệ giữa tiếng Việt và Hán tự trong thời gian gần đây[28], nghiên cứu giáo dục ngôn ngữ so sánh Nhật-Việt[29], hiện trạng và thành quả của việc giảng dạy ngoại ngữ ở trường cấp 1, 2[30]

Bên cạnh đó vấn đề giáo dục thể chất trong nhà trường Việt Nam[31], giáo dục môi trường[32],

---

23 Chikada Masahiro近田政博, 近代ベトナム高等教育の形成過程に関する研究 : 外国教育モデル受容の比較教育学的分析 (Luận án TS), 2003 http://ir.nul.nagoya-u.ac.jp/jspui/handle/2237/6638

24田中義孝『ベトナムの教育改革―「子ども中心主義」の教育は実現したの か』明石書店、2008, 348 trang

25田中義孝『21世紀型スキルと諸外国の教育実践 求められる新しい能力育成』明石書店, 2015, 294 trang

26近田政博「ベトナムー新カリキュラムの導入で国際水準を目指す」馬越徹・大塚豊『アジアの中等教育改革ーグローバル化への対応』東信堂、2013年、pp. 115-143

27Deguchi Mayumi ベトナムの道徳教育カリキュラムの分析, 広島大学大学院教育学研究科紀要. 第三部, 教育人間科学関連領域 52, 115-122, 2004-03-28 http://ci.nii.ac.jp/naid/110004833921

28岩月純一、Iwatsuki Junichi; 近代ベトナムにおける国語と漢字の関係、東方書店、2005

29村上 呂里 (Murakami Rori), 梶村 光郎 Kajimura Mitsuro, 那須 泉 Nazu Izumi, Dong Thi Thu Ha, 日越比較言語教育研究(1)ベトナム入門期「国語」教科書の考察A comparative study of linguisutic education between Japan and Vietnam -about "national language" texts for first grader, 琉球大学教育学部教育実践総合センター紀要 (10), 147-169, 2002 http://ci.nii.ac.jp/naid/120001374688

30 Takiguchi Masaru, ベトナムの中学校及び小学校における外国語教育の現状と課題, 白梅学園大学・短期大学SHIRAUME GAKUEN UNIVERSITY・COLLEGE, 白梅学園大学・短期大学紀要 44, 165-176, 2008 http://ci.nii.ac.jp/naid/110007044803

31 田畑 亨 Tabata Toru ベトナム社会主義共和国の体育・スポーツ教育の現状The present condition of physical education and sports in Socialist Repubulic of Viet

giáo dục trẻ khuyết tật cũng được nhiều nhóm nghiên cứu quan tâm[33]. Ví dụ như nhóm tác giả Yusuke Eda, Masakiyo Morisawa, Mayuko Inoue đã có bài viết "Hiện trạng về giáo dục trẻ em khuyết tật ở Việt Nam" đề cập đến quá trình đổi mới ở Việt Nam ảnh hưởng đến giáo dục nói chung, giáo dục trẻ em khuyết tật nói riêng từ 1986 đến đầu những năm 2000. Thông qua chi phí đầu tư có tăng lên cho giáo dục trẻ em khuyết tật : năm 1996 học phí là 30-50 nghìn đồng thì đến năm 2002 đã tăng lên 80 - 120 nghìn đồng, tiền ăn là 130 nghìn đồng... Đồng thời năm 2001, chính phủ Việt Nam đã có những quy định về trường hòa nhập, trường bán hòa nhập, trường chuyên biệt áp dụng với các đối tượng trẻ em khuyết tật nhằm tăng thêm cơ hội được học tập cho các em.

Những nghiên cứu về giáo dục Việt Nam thông qua việc khảo sát những công trình (bài báo, sách, dự án nghiên cứu) tại Nhật Bản chúng tôi còn thấy một số chủ đề khác được đề cập như: Ishimura Masao với bài viết về chế độ đào tạo giáo viên ở Việt Nam[34], những dự án đầu tư cho giáo dục và cách sử dụng... 上別府隆男Kamibeppu Takao phân tích về những kí kết viện trợ giáo dục của các quốc gia cho Việt Nam, thực hiện kế hoạch giáo dục cho mọi người EFA (Education for all)[35].

2. Đánh giá giá trị của các nghiên cứu đặt ra cho giáo dục Việt Nam trong thời kì hiện nay

Như vậy, thông qua quá trình thống kê, khảo sát những bài nghiên cứu, sách viết về Việt Nam trong giai đoạn 2000 - 2017 chúng tôi đã hệ thống và phân chia một số chủ điểm nghiên cứu chính. Từ đó, chúng tôi tạm thời đưa ra một số nhận định sau:

Thứ nhất, giáo dục Việt Nam là một vấn đề, đối tượng nghiên cứu nhận được nhiều sự quan tâm tại Nhật Bản. Nếu như trước năm 1986, các nghiên cứu về giáo dục Việt Nam còn mờ nhạt thì sau 1986, số lượng các học giả, bài viết về giáo dục Việt Nam tăng lên đáng kể. Không chỉ vậy, các nội dung nghiên cứu cũng phong phú: không đơn thuần là những vấn đề thông sử chung chung hay tiến trình phát triển của giáo dục Việt Nam mà nhiều bài viết đi tìm hiểu cặn kẽ những vấn đề còn tồn tại của giáo dục Việt Nam như chương trình đào tạo, những thuận lợi khó khăn trong chăm sóc, giáo dục trẻ khuyết tật...

Thứ hai, hầu hết các kết quả nghiên cứu về giáo dục Việt Nam đều dựa trên thực tiễn khảo sát và nhiều học giả sử dụng thành thạo Tiếng Việt. Đây là một điểm khá mới mẻ so với giai đoạn trước năm 1986. Trước 1986, hầu hết

---

Nam流通経済大学スポーツ健康科学部紀要 1, 55-69, 2008-03 Ryutsu Keizai University http://ci.nii.ac.jp/naid/110007175987

[32] ***松本みどり Matsumoto Midori、ハノイの中学校における環境教育プログラム「ハノイ家庭ごみプログラム」開発と試行環境教育 =Environmental education 23(3), 69-80, 2014-03日本環境教育学会; 松本 みどりMatsumoto Midori ベトナムの教育カリキュラムの調査-環境教育の現状と課題 家庭ごみによる環境教育教材化をめざして , 千葉大学人文社会科学研究科研究プロジェクト報告書 225, 9-28, 2012-02-28 http://ci.nii.ac.jp/naid/120005324611***

[33] 一幡良利(Ichiman Yoshitoshi), 久城初江 (Kushiro Hatsuye), 高橋昌巳 (Takahashi Masami), ベトナムの視覚障害者教育の現状について, 筑波技術短期大学テクノレポート 8(2), 89-94, 2001 筑波技術短期大学学術国際交流委員会 hoặc江田 裕介, 森澤 允清, 井上 真友子. Yusuke EDA. Masakiyo MORISAWA, Mayuko INOUE. （和歌山大学教育学部）, ベトナム障害児教育における現状と課題、Bulletin of the Center for Educational Research and Training 14, 133-139, 2004 http://center.edu.wakayama-u.ac.jp/centerkiyou/kiyou_no14_pdf/eda_2.pdf

[34] 石村雅雄 Ishimura Masao 「ベトナムにおける教師教育制度」日本教育大学協会『世界の教 員養成―アジア編』学文社、2005, pp 165 – 186.

[35] 上別府 隆男KAMIBEPPU Takaoベトナム教育セクターにおける援助協調の試み(教育哲学)Attempts for Aid Coordination in Education Sector in Vietnam(Philosophy of Education) 国際基督教大学学報. I-A, 教育研究 47, 33-42, 2005-03 http://ci.nii.ac.jp/naid/110007324598

những hiểu biết về giáo dục Việt Nam đều thông qua ngôn ngữ khác như tiếng Anh, tiếng Pháp...và việc xâm nhập thực tế là điều khó thực hiện. Tuy nhiên sau quá trình cải cách mở cửa, thực hiện công cuộc ĐỔI MỚI toàn diện trên nhiều lĩnh vực (trong đó có giáo dục) đã tạo cơ hội cho nhiều nhà nghiên cứu Nhật Bản sang Việt Nam thực nghiệm, quan sát những diễn biến của giáo dục Việt Nam.

Thứ ba, nếu các giai đoạn trước chúng ta thấy các nhà nghiên cứu còn tiến hành khảo sát độc lập thì giai đoạn này hình thành một số các nhóm nghiên cứu thuộc các trường Đại học Kyoto, Hiroshima, Ryukyu, Ochanomizu...Đặc biệt giữa các nhà nghiên cứu giáo dục Việt Nam và Nhật Bản đã có sự phối hợp, trao đổi về mặt chuyên môn. Ví dụ: tại Khoa Giáo dục đặc biệt Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, hàng năm đều có những chuyên gia về giáo dục trẻ khuyết tật của Nhật thuộc Đại học Wakayama sang trao đổi hợp tác, tổ chức hội thảo. Tháng 2 năm 2016, Hội thảo khoa học "Phát triển nguồn nhân lực giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật ở Việt Nam" đã được tổ chức tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội...

Thứ tư, trên cơ sở thống kê và khảo sát chúng tôi nhận thấy xu thế nghiên cứu mới được chú trọng trong thời gian gần đây là những nghiên cứu so sánh trong mối tương quan giáo dục Việt Nam - Nhật Bản, Việt Nam - với các nước trong khu vực hay giáo dục Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa. Ngoài ra, tại Việt Nam hiện nay nhiều nhà nghiên cứu giáo dục cũng đang học hỏi mô hình giáo dục của Nhật, thiết kế chương trình sách giáo khoa được tham khảo....

Trên đây là một vài nét khái quát cho những nghiên cứu giáo dục Việt Nam tại Nhật Bản trong vòng 15 năm đầu thế kỉ XXI và một số nhận định rút ra. Đồng thời thông qua những nghiên cứu của các học giả Nhật Bản đã đặt ra các nhà nghiên cứu giáo dục của một số giải pháp như: gắn nghiên cứu lí thuyết với hiện trường giáo dục - khảo sát thực tế; so sánh mô hình giáo dục của Việt Nam trong mối tương quan với các nước lân cận như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản; nghiên cứu toàn diện nhiều chủ điểm như: giáo dục môi trường, giáo dục thể chất, giáo dục mĩ thuật, giáo dục trẻ em khuyết tật... Chúng tôi hi vọng những thông tin trên sẽ hữu ích cho việc thúc đẩy quan hệ hợp tác và tình hình nghiên cứu về chủ đề GIÁO DỤC của cả hai bên Nhật Bản - Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

[1] 古沢常雄、「日本におけるベトナム教育史研究の状況―フランス植民地教育史研究の視点から―」Link tham khảo ngày 20/09/ 2016 http://repo.lib.hosei.ac.jp/handle/10114/6547.

[2] 戸石泰一 , 「ベトナムの教育」(Giáo dục của Việt Nam)、文化評論（110）(Tạp chí Bình luận Văn hóa)、1970、pp. 112 – 123.

[3] 古川　原 (Furukawa Gen), 『ヴィエトナム民族・文化・教育 (Dân tộc, Văn hóa, Giáo dục Việt Nam)』, 明治図書出版, 1969.

[4] Chikada Masahiro近田政博, 近代ベトナム高等教育の形成過程に関する研究：外国教育モデル受容の比較教育学的分析 (Luận án TS), 2003 http://ir.nul.nagoya-u.ac.jp/jspui/handle/2237/6638.

[5] Kurosawa Kazuhiro黒澤和裕「ベトナムにおけるフランスの植民地教育-- 現地人教育改良評議会を中心に」(Giáo dục thời kì thực dân địa của Pháp ở Việt Nam – Trọng tâm về Hội đồng hoàn thiện giáo dục bản xứ, 『二十世紀研究』 (Tạp chí Nghiên cứu thế kỉ XX) số 3 năm 2002, pp.75－98.

[6] Tạp chí Shigaku Zasshi các số 2, 6, 10 xuất bản từ năm 2000 đến nay (2016).

[7] http://ci.nii.ac.jp/ (trang tra cứu các bài báo, sách xuất bản tại Nhật).

[8] 石村雅雄 Ishimura Masao 「ベトナムにおける教師教育制度」日本教育大学協会『世界の教員養成―アジア編』学文社、2005, pp 165 – 186.

[9] 田中義孝『ベトナムの教育改革―「子ども中心主義」の教育は実現したのか』明石書店、2008.

A Survey of Research on Education in Vietnam through Japanese Bibliographic Sources from 2000 to 2017

Dao Thu Van

VNU University of Education, 136 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Abstract: In the 20th century and at the beginning of the 21st century, research on education in Vietnam was popular among Japanese scholars. They investigated the whole Vietnamese national education system as well as each level in the system. To support their research, a variety of Vietnamese documents including education laws, policies, circulars etc. were translated into Japanese. There are two parts to this survey: 1) Investigation into the research on education in Vietnam from 2000 to 2017; 2) Evaluation of the research achievements and their contribution to the development of Vietnam education.

Keywords: Education in Vietnam, Japanese bibliographic sources 2000 - 2017.